TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2019/DS -ST Ngày: 29-12 -2019. V/v**:** "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Minh

2. Ông Phạm Quang Vinh.

-Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thi Hằng- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2019/TLST - DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp "hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:80/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Đường L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Bảo vệ quyền và lợi chích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hoàng Thế T, thuộc Văn phòng Luật sư N - Đoàn Luật sư Tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: 1.Ông Trần Quang T

2. Bà Trần Thị Thanh Th.

Địa chỉ: Đường A, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N, Luật sư có mặt tại phiên tòa, ông T, bà Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày: Do có quan hệ quen biết với ông Trần Quang T và bà Trần Thị Thanh Th nên ngày 30/3/2016 bà cho ông T vay số tiền 15.000.000đ để làm ăn, ngày 14/12/2015 tôi cho bà Th vay số tiền 4.000.000đ để đưa con đi chữa bệnh. Khi cho vay ông T có viết giấy vay tiền có chữ ký của ông T, bà Th (giấy vay tiền ngày 30/3/2016 và ngày 14/12/2015). Khi cho vay bà không tính lãi. Nhiều lần bà đến nhà yêu cầu ông T, bà Th trả nợ cho bà nhưng ông T, bà Th không trả. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quang T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng từ ngày 30/4/2016 đến 30/7/2019 là 40 tháng x 1,125%/tháng = 6.750.000đ, tổng cộng là 21.750.000đ. Yêu cầu bà Trần Thị Thanh Th trả số tiền gốc 4.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng từ ngày 30/4/2016 đến 30/7/2019 là 40 tháng x 1,125%/tháng = 1.800.000đ, tổng cộng là 5.800.000đ.

Bị đơn ông Trần Quang T, bà Trần Thị Thanh Th được tòa án triệu tập nhưng không đến tòa để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N và bà N yêu cầu Tòa án buộcTrần Quang T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật thời điểm vay là 0,75%/ tháng tính từ ngày 30/4/2016 đến ngày xét xử là 43 tháng (15.000.000đ x 0,75%/tháng x 43 tháng = 4.837.500đ) tổng cộng phải trả là 19.837.500đ và yêu cầu bà Trần Thị Thanh Th phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền gốc là 4.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất qui định của pháp luật thời điểm chậm trả (thỏa thuận bằng miệng sau 3 tháng trả nhưng không trả) với mức lãi là 0,75%/ tháng tính từ ngày 14/3/2016 đến ngày xét xử là 44 tháng (4.000.000đ x 0,75%/tháng x 44 tháng = 1.320.000đ), tổng cộng phải trả là 5.320.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà Trần Thị Thanh Th và ông Trần Quang T được Tòa án giao các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng không có mặt nên căn cứ vào điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử: Bà Hoàng Thị N khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Trần Quang T, bà Trần Thị Thanh Th có địa chỉ tại: Đường A, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, đòi nợ vay theo giấy nhận nợ 30/3/2016 đối với ông T vay số tiền 15.000.000đ, theo giấy nhận nợ ngày 14/12/2015 đối với bà Th vay số tiền 4.000.000đ, nên xét quan hệ tranh chấp giữa các bên là " Hợp đồng vay tài sản". Theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của

Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Bà N yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền nợ 15.000.000đ (chứng cứ cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình là giấy vay tiền ông T ký người vay tiền ngày 30/3/2016), bà Th trả số tiền nợ 4.000.000đ (chứng cứ cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình là giấy vay tiền bà Th ký người vay tiền ngày 14/12/2015). Xét thấy ông T và bà Th được Tòa án giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không đến tòa và không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N buộc buộc ông T phải trả cho bà N số tiền gốc 15.000.000, bà Th phải trả cho bà N số tiền gốc 4.000.000 đồng.

[4] Về lãi xuất: Đối với khoản vay của ông T (Theo giấy nhận nợ thể hiện thời han vay là 1 tháng). Xét thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ chậm trả nợ nên bà N yêu cầu ông T trả tiền lãi theo lãi suất qui định của pháp luật thời điểm vay là 0,75%/ tháng tính từ ngày 30/4/2016 đến ngày xét xử là 43 tháng (15.000.000đ x 0,75%/tháng x 43 tháng = 4.837.500đ) là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận, buộc ông T phải trả cho bà N số tiền lãi: 4.837.500đ. Đối với khoản vay của bà Th (Theo giấy nhận nợ không thể hiện thời hạn vay, xong bà N khai hai bên thỏa thuận bằng miệng sau 3 tháng trả nhưng không trả). Xét thấy bà Th đã vi phạm nghĩa vụ chậm trả nợ nên bà N yêu cầu bà Th trả tiền lãi theo lãi suất qui định của pháp luật thời điểm vay là 0,75%/ tháng tính từ ngày 14/3/2016 đến ngày xét xử là 44 tháng (4.000.000đ x 0,75%/tháng x 44 tháng = 1.320.500đ) là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc bà Th phải trả cho bà N số tiền lãi:1.320.000đ.

[5] Tổng cộng ông Trần Quang T phải trả cho bà Hoàng Thị N số tiền gốc và lãi là: 19.837.500đ. Tổng cộng bà Trần Thị Thanh Th phải trả cho bà Hoàng Thị N số tiền gốc và lãi là 5.320.000đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 463, 466, 469 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui đinh của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N kiện ông Trần Quang T, bà Trần Thị Thanh Th tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

- Buộc ông Trần Quang T phải trả cho bà Hoàng Thị N số tiền gốc và lãi là: 19.837.500đ (Mười chín triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Buộc bà Trần Thị Thanh Th phải trả cho bà Hoàng Thị N số tiền 5.320.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

2- Về Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3- Về án phí:

- Buộc ông Trần Quang T phải chịu 991.875 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Trần Thị Thanh Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn Trả cho bà Hoàng Thị N số tiền 696.375đ tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0012466 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày tuyên án đối với bà Hoàng Thị N và và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết đối với ông Trần Quang T và bà Trần Thị Thanh Th, các đương sự được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Mai Phú – Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	**Đoàn Thị Tuyết Nga**

Đoàn Thị Tuyết Nga